

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

Bản án số 32/2021/DSST.

Ngày 06/9/2021.

V/v: *Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN -TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Sơn.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Cao Cường.

2/ Ô Y Đưng Knul.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh– Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 62/2021/TLST- DS ngày 16 tháng 6 năm 2021 vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST- DS ngày 20/8/2021, Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L.**

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H** và bà **Lê Thị T**

Đều trú tại Thôn B, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (đều vắng mặt, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ngày 28/12/2017 vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T vay của bà số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), mục đích vay về sử dụng cho gia đình, hạn trả ngày 28/01/2018, thỏa thuận miệng lãi suất là 1,5 %/tháng, ông H, bà T đã trả được 3.000.000 đồng lãi, hiện đã quá hạn bà đòi nhiều lần nhưng không trả, nay bà yêu cầu vợ chồng ông H, bà T trả cho bà số nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử (từ ngày 28/12/2017 đến ngày 6/9/2021), lấy tròn 72 tháng tiền lãi, với mức lãi 0,83%/tháng. Cụ thể tiền lãi:

$50.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 72 tháng = 29.880.000 đồng.$

Tổng cộng gốc, lãi: 50.000.000đ + 29.880.000 đồng = 79.880.000đ (bảy mươi chín triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng), khấu trừ 3.000.000đ (ba triệu

đồng) lãi đã trả, còn lại gốc lãi phải trả 76.880.000đ (bảy mươi sáu triệu tám trăm mười nghìn đồng).

- Tại phiên tòa Lê Thị T vắng mặt, tại bản tự khai bà biên bản hòa giải bà T khai đúng như lời trình bày của nguyên đơn, bà cho rằng số tiền vay về nhằm mục đích cho gia đình, nay vợ chồng bà có trách nhiệm trả cho bà L số tiền gốc và lãi suất nêu trên, tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên bà chưa biết lúc nào trả được.

Ông Nguyễn Văn H vắng mặt nên không ghi được ý kiến của ông H.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

+ *Về nội dung vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 91; khoản 1 Điều 147; Điều 161; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 401, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L để buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số nợ gốc: 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), nợ lãi là 26.880.000đ (tổng cộng nợ gốc, nợ lãi 76.880.000đ (bảy mươi sáu triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

- Về tiền án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ông H vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của ông Nguyễn Văn H không ảnh hưởng đến việc xét xử, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Ngày 28/12/2017 vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T vay của bà Nguyễn Thị L số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), vay về sử dụng mục đích gia đình, hạn trả ngày 28/01/2018, lãi suất thỏa miệng là 1,5%/tháng, vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T đã trả được 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền lãi, số nợ gốc và nợ lãi còn lại vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T chưa trả là đúng, được các bên thừa nhận.

[3] Xét hợp đồng vay và nghĩa vụ trả nợ của các bên thì đây là giao dịch dân sự tự nguyện, sự thỏa thuận của các bên phù hợp quy định tại các Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 401 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, do hợp đồng có hiệu lực nên các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của hợp đồng vay.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi. Vì vậy, phía nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu vợ chồng vợ chồng ông H, bà T thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi còn lại nêu trên là có căn cứ, cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn để buộc phía bị đơn trả nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và nợ lãi còn lại cho nguyên đơn.

[4] Về lãi suất: Do khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất, tuy nhiên tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L đề nghị được tính lãi suất với mức lãi suất là 0,83%/tháng trên tổng nợ gốc và lấy tròn 72 tháng (từ ngày vay 28/12/2017 đến ngày xét xử 06/9/2021) xét yêu cầu này là phù hợp pháp luật, cần chấp nhận. Như vậy, nợ lãi được tính:

$50.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 72 \text{ tháng} = 29.880.000 \text{ đồng}$, khấu trừ lãi đã trả 3.000.000 đồng, còn lại 26.880.000 đồng.

Tổng cộng nợ gốc: 50.000.000đ + nợ lãi 26.880.000 đồng = 76.880.000 đồng (bảy mươi sáu triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 91; khoản 1 Điều 147; Điều 161; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 401, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1/ Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc: 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), nợ lãi là 26.880.000đ (hai mươi sáu triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng), tổng cộng nợ gốc, nợ lãi 76.880.000đ (bảy mươi sáu triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2/ Về án phí: vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T phải chịu 3.844.000đ (ba triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho bà Nguyễn Thị L tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.021.000đ (hai triệu không trăm hai mươi một nghìn đồng) theo biên lai số 0002322 ngày 16/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

+ Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
- Lưu HS - VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.
(Đã ký)

Bùi Xuân Sơn